

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272/2023/DS-PT

Ngày 12 – 5 – 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 251/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 531/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2.2. Chị Trần Thị B, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị A, chị B: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 377, khu phố B, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phan Thị X, sinh năm 1964 (có mặt);

2.2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D: Chị Trần Thị Thảo V₁, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Phạm Kim C, sinh năm 1984 (có mặt);

3.2. Cháu Nguyễn Phạm Trường V, sinh năm 2009.

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của cháu V: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989 và chị Phạm Kim C, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phan Thị X và chị Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2022, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 20/6/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị B, chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Theo nội dung Quyết định số 38/2022/QĐST-DS ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau: Bà Phan Thị X có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị B số tiền 100.000.000 đồng, trả trong hạn 04 tháng, hạn cuối ngày 29/7/2022.

Theo nội dung Quyết định số 39/2022/QĐST-DS ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau: Bà Phan Thị X có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim A số tiền 200.000.000 đồng, trả trong hạn 04 tháng, hạn cuối ngày 29/7/2022.

Tuy nhiên, các chị tìm hiểu biết được bà X đã cấu kết với chị D chuyển nhượng cho chị D toàn bộ 02 quyền sử dụng đất do bà Phan Thị X đứng tên giấy chứng nhận nhằm mục đích tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho các chị theo nội dung Quyết định số 38/2022/QĐST-DS ngày 06/4/2022 và Quyết định số 39/2022/QĐST-DS ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, cụ thể như sau:

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số: 178, tờ bản đồ số: 27, tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.241m², do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận tên: Phan Thị X (Cập nhật chỉnh lý biến động chuyển nhượng sang tên Nguyễn Thị D ngày: 21/4/2022 theo hồ sơ số: 013308,CN.007);

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số: 216, tờ bản đồ số: 27, tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.351m², do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận tên: Phan Thị X (Cập nhật chỉnh lý biên động chuyển nhượng sang tên Nguyễn Thị D ngày: 21/4/2022 theo hồ sơ số: 030622.CN.007).

Như vậy, toàn bộ giao dịch chuyển nhượng 02 quyền sử dụng đất nêu trên của bà Phan Thị X và chị Nguyễn Thị D là hoàn toàn trái quy định pháp luật, là vi phạm pháp luật, nhằm mục đích tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho các chị theo nội dung quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án, đồng thời xâm phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản của các chị được pháp luật bảo vệ.

Vì vậy, các chị khởi kiện theo quy định pháp luật yêu cầu Tòa án giải quyết Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị X, chị Phạm Kim C và cháu Nguyễn Phạm Trường V với chị Nguyễn Thị D, thửa đất số 216, tờ bản đồ số: 27, diện tích 2.351m², đất trồng cây lâu năm, tại ấp L, xã N, huyện C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00741, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/01/2012 cho hộ bà Phan Thị X, số công chứng 01937, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, do công chứng viên Ngô Thị Hoàng K, Văn phòng Công chứng C, tỉnh Tiền Giang ký ngày 15/4/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị X với chị Nguyễn Thị D, thửa đất số 178, tờ bản đồ số: 27, diện tích 2.241m², đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tại ấp L, xã N, huyện C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02188, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/12/2013 cho bà Phan Thị X, số công chứng 01935, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, do công chứng viên Nguyễn Thành T, Văn phòng Công chứng C, tỉnh Tiền Giang ký ngày 14/4/2022 là vô hiệu.

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 01/3/2022, Tòa án nhân dân huyện C ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2022/QĐST-DS, theo đó bà X có nghĩa vụ trả cho bà số tiền, vàng như sau: Ngày 1/8 2022 trả 100.000.000 đồng; Ngày 01/8/2023 trả 100.000.000 đồng; Ngày 01/8/2024 trả 55.000.000 đồng; Ngày 01/8/2025 trả 55.000.000 đồng và 4,5 chỉ vàng 24K.

Tuy nhiên, ngày 14/4/2022 và ngày 15/4/2022 bà X đã tự ý tẩu tán tài sản là quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 216, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.351m² và 178, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.241m² mà bà X đã thế chấp cho bà (lúc thế chấp do tin tưởng nhau nên bà không có lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X mà hai bên viết trong Hợp đồng vay là bản phô tô), bằng hình thức chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị D, hiện tại chị D đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc bà X chuyển nhượng đất cho chị D là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà, vi phạm cam kết trả nợ cho bà theo thỏa thuận, hành vi ấy đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Với những lý do nêu trên nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hai hợp đồng nêu trên là vô hiệu.

Tại Biên bản hòa giải ngày 22/8/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Phan Thị X trình bày: Do bà thiếu tiền của chị D nhiều nên bà đã chuyển nhượng hai thửa đất nêu trên cho chị D để trả nợ. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản tự khai ngày 30/6/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trần Thị Thảo V₁ đại diện cho bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Phan Thị X có mượn chị D số tiền là 1.000.000.000 đồng, có kèm biên nhận mượn nợ, cụ thể: Lần 1, ngày 25/12/2018, mượn số tiền 400.000.000 đồng; Lần 2, ngày 05/07/2020, mượn số tiền 600.000.000 đồng. Bà X có đề nghị với chị D sang nhượng cho chị D 02 thửa đất để cầm trả nợ, đồng thời để bà X có tiền để trả nợ cho những chủ nợ khác vì hiện tại bà X không còn khả năng chi trả.

Chị D đồng ý thỏa thuận trên của bà X, sang nhượng 02 thửa đất và tài sản gắn liền trên đất: thửa đất số 178, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.241m², tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đất trồng cây lâu năm, đất cấp cho bà Phan Thị X và thửa đất số: 216, tờ bản đồ: số 27, diện tích 2.351m², tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đất trồng cây lâu năm, đất cấp cho hộ bà Phan Thị X. Giá thỏa thuận chuyển nhượng 02 thửa đất trên với tổng số tiền là 2.296.000.000 đồng.

Lần 1, ngày 12/04/2022, chị D đưa tiền cọc cho bà X số tiền 700.000.000 đồng, trả nợ ngân hàng tại Ngân hàng Liên Việt, Chi nhánh Tiền Giang, nhận lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc của 02 thửa đất: Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.241m² và 216, tờ bản đồ: số 27, diện tích 2.351m².

Lần 2, chị D đưa tiền cọc tiếp cho bà X số tiền 500.000.000 đồng và chị D thay mặt bà X trả nợ cho những người sau: Ông T₁ và bà T₂, địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang số tiền 100.000.000 đồng; bà Lưu Thị Trúc H, địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang số tiền 40.000.000 đồng; ông Nguyễn Minh G, địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang số tiền 80.000.000 đồng.

Chị D giao cho bà X số tiền 270.000.000 đồng, còn lại số tiền 96.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận sau khi bà X và thành viên trong gia đình chuyển toàn bộ đồ cá nhân đi hết, chị D nhận đất và nhà sẽ trả đủ tiền.

Ngày 14/04/2022 và 15/04/2022, chị D và hộ gia đình bà X lập hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 178, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.241m², tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đất trồng cây lâu năm, đất cấp cho bà Phan Thị X và thửa đất số 216, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.351m², tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đất trồng cây lâu năm, đất

cấp cho hộ bà Phan Thị X, có đến công chứng hợp đồng tại Văn Phòng Công Chứng C, địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Việc hộ bà X chuyển nhượng hai thửa đất nêu trên cho chị D là để trả nợ cho chị D và những người khác nên bà X không trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, không có hành vi tẩu tán tài sản. Vì vậy, chị D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 251/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 116, 124, 132 và 500 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A, chị Trần Thị B và bà Trần Thị T.

2. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị X, chị Phạm Kim C và cháu Phạm Nguyễn Trường V với chị Nguyễn Thị D, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.351m², đất trồng cây lâu năm, tại ấp L, xã N, huyện C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00741, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/01/2012 cho hộ bà Phan Thị X, số công chứng 01937, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, do công chứng viên Ngô Thị Hoàng K, Văn phòng Công chứng C, tỉnh Tiền Giang ký ngày 15/4/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị X với chị Nguyễn Thị D, thửa đất số 178, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.241m², đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tại ấp L, xã N, huyện C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02188, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/12/2013 cho bà Phan Thị X, số công chứng 01935, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, do công chứng viên Nguyễn Thành T, Văn phòng Công chứng C, tỉnh Tiền Giang ký ngày 14/4/2022 là vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/12/2022, bị đơn bà Phan Thị X và chị Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 251/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Về mặt tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm có ra thông báo đưa ông K tham gia tố tụng nhưng trong bản án không có ghi tên ông K tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót. Về mặt nội dung, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm hủy hợp đồng nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bản án sơ thẩm nêu, xét các đương sự không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét nhưng hồ sơ vụ án không thể hiện Tòa án đã giải thích cho đương sự về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ về điều kiện thi hành án của bà X. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 251/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bị đơn Phan Thị X và Nguyễn Thị D nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, là chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các tranh chấp được Bộ luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự gồm: Nguyễn Thị Kim A, Trần Thị B vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Phan Thị X và chị Nguyễn Thị D.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 14/4/2022 và ngày 15/4/2022, bà X đã cùng với thành viên trong hộ gồm chị C, cháu V ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.351m², loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp L, xã N, huyện C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00741, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/01/2012 cho hộ bà Phan Thị X và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà X với chị D đối với thửa đất số 178, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.241m², đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tại ấp L, xã N, huyện C, theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CH02188, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/12/2013 cho bà Phan Thị X. Trong khi đó, chị D là chị chồng của chị C, nhưng bà X không thông báo cho chị A, chị B và bà T biết, cũng không trả tiền cho chị A, chị B và bà T theo thỏa thuận được ghi nhận tại các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, mà trả cho người khác.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà X cùng với thành viên trong hộ của bà X ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị D thuộc trường hợp xác lập giao dịch dân sự nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả tiền cho chị A, chị B và bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 124 của Bộ luật dân sự và tuyên bố các hợp đồng này vô hiệu là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ không giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu khi tuyên bố hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ bà X và chị D là giải quyết chưa triệt để vụ án, không đảm bảo quyền lợi cho chị D nên chị D kháng cáo. Trong hồ sơ không có văn bản nào thể hiện ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Từ phân tích trên, để đảm bảo hai cấp xét xử cần hủy án bản sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện C để giải quyết lại vụ án theo qui định pháp luật.

Do hủy án nên chưa xét kháng cáo của bà Phan Thị X và chị Nguyễn Thị D.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà X, chị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 313, Khoản 3 Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 251/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí: Hoàn lại cho bà Phan Thị X, chị Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0017095, 0017094 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Huyện C;
- THADS Huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương